

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/LĐ-ST
Ngày: 18 – 3 – 2025
V/v tranh chấp về yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bông Hương
- Ông Đặng Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 13/2024/TLST-LĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2025/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Kiêm M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988; Địa chỉ liên lạc: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền số 006870, quyền số 07/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2024 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần D; Địa chỉ trụ sở: Số C đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu S, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: Số A đường N, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 82/UQ-TCG-O.LG ngày 18/11/2024) (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch R, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Kiêm M do ông Võ Hoài P làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Kiêm M là cậu ruột của ông Thạch R. Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2010 đến tháng 01/2012, ông Kiêm M có cho ông Thạch R mượn Chứng minh nhân dân để đi làm và tham gia Bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần D (sau đây gọi tắt là Công ty D), địa chỉ: Số C đường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vì thời gian này ông Thạch R chưa đủ 18 tuổi (ông Thạch R sinh ngày 03/08/1994). Số sổ bảo hiểm xã hội ông Thạch R tham gia dưới tên của ông Kiêm M thời gian này là 7910453162.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2024, ông M cũng có đi làm và tham gia Bảo hiểm xã hội trên sổ sổ là 8009038579. Ông M đã đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp và được Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh L duyệt theo Quyết định số 5869/QĐ-SLĐTBXH-BHTN ngày 02/04/2024 nhưng bị phát hiện trùng quá trình đóng bảo hiểm xã hội nên không được hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

Ông M biết việc cho người khác mượn chứng minh nhân dân của mình để đi làm và ký hợp đồng lao động là không trung thực, nhưng do không hiểu biết pháp luật về lao động nên dẫn đến hiện tại quyền lợi của ông Kiêm M bị ảnh hưởng là không hưởng được các chế độ của Bảo hiểm xã hội.

Để có đủ hồ sơ tách quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội bị trùng của ông Kiêm M tại Công ty D và để ông M đủ điều kiện hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội theo qui định. Thực hiện theo Công văn 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/05/2022 của Bộ L xã hội thì trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu. Thẩm quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Do đó, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Kiêm M (nhưng người tham gia lao động thực tế là Thạch R) với Công ty D trong khoảng thời gian tháng 09/2010 đến tháng 01/2012 vô hiệu do không đúng nhân thân để ông Kiêm M đủ điều kiện hưởng Bảo hiểm xã hội theo qui định. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là Công ty Cổ phần D do bà Huỳnh Thị Thu S là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà xác nhận Công ty D có giao kết hợp đồng lao động với người tên Kiêm M nhưng người thực tế làm việc là ông Thạch R trong khoảng thời gian từ tháng 09/2010 đến 01/2012 như phía nguyên đơn trình bày.

Quá trình làm việc của ông Kiêm M nhưng người thực tế làm việc là ông Thạch R tại Công ty như sau: từ tháng 09/2010 đến 01/2012, vị trí công việc là

công nhân, thời gian làm việc là 1 năm 05 tháng. Trong khoảng thời gian làm việc của ông R, Công ty có tham gia và đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho ông R (dưới tên ông Kiêm M). Do người lao động nghỉ việc hơn 12 năm, đã quá thời hạn lưu trữ của Công ty nên Công ty không cung cấp được hồ sơ liên quan như Hợp đồng thử việc, Hợp đồng lao động của ông Kiêm M.

Việc ông Kiêm M cho ông Thạch R mượn Chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty thời điểm đó thì Công ty không biết. Công ty cũng không biết việc người lao động thực tế làm việc và người trên hợp đồng là không phải là một người. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không có ý kiến nào khác. Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch R:

Ông xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 09/2010 đến 01/2012, ông có mượn chứng minh nhân dân của ông Kiêm M để đi làm và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần D, địa chỉ: Số C đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do thời gian này ông chưa đủ 18 tuổi. Số sổ bảo hiểm xã hội ông tham gia dưới tên của ông Kiêm M thời gian này là 7910453162.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, ông đồng ý yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Kiêm M (nhưng người tham gia lao động thực tế là ông Thạch R) với Công ty Cổ phần D trong khoảng thời gian từ tháng 09/2010 đến tháng 01/2012 vô hiệu do không đúng nhân thân.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.
- Bị đơn: Giữ nguyên ý kiến nêu trên.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hợp đồng lao động giữa ông Kiêm M (người tham gia lao động thực tế là Thạch Rinh) với Công ty Cổ phần D trong khoảng thời 09/2010 đến 01/2012 vô hiệu. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét Đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2024 của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Kiêm M và Công ty Cổ phần D là vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu được quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019.

Bị đơn Công ty Cổ phần D có địa chỉ trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 19/11/2024. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông R theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Kiêm M (nhưng người tham gia lao động thực tế là Thạch Rinh) với Công ty Cổ phần D trong khoảng thời 09/2010 đến 01/2012 vô hiệu:

Nguyên đơn và bị đơn không cung cấp được hợp đồng lao động mang tên Kiêm M. Tuy nhiên, theo Công văn số 80/BHXXH-TST ngày 08/01/2025 của Bảo hiểm xã hội Thành phố H xác định từ tháng 09/2010 đến tháng 01/2012, Công ty D có tham gia BHXH cho ông Kiêm M, sinh năm 1988, chứng minh nhân dân số 365576201, mã số 7910453162.

Đồng thời, các bên đương sự đều thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 09/2010 đến tháng 01/2012, ông Kiêm M có cho ông Thạch R mượn chứng minh nhân dân để giao kết hợp đồng lao động với Công ty D do thời gian này ông Thạch R chưa đủ 18 tuổi. Đây là tình tiết, sự kiện được coi là chứng cứ mà không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 thì:

“1. Hợp đồng lao động được giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động.

4. Công việc theo hợp đồng lao động phải do người giao kết thực hiện, không được giao cho người khác, nếu không có sự đồng ý của người sử dụng lao động.”

Do đó, việc ông Thạch R trực tiếp ký kết và thực hiện hợp đồng lao động nhưng lại sử dụng tên ông Kiêm M là vi phạm quy định pháp luật lao động, yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty D và ông Kiêm M

trong khoảng thời gian từ tháng 09/2010 đến tháng 01/2012 là vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu mặc dù Toà án đã giải thích trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5]. Về án phí lao động sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ghi nhận sự tự nguyện của ông Kiêm M tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, điểm a Khoản 1 Điều 92, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiêm M:

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Kiêm M (người tham gia lao động thực tế là Thạch Rinh) với Công ty Cổ phần D trong khoảng thời gian từ tháng 09/2010 đến tháng 01/2012 là vô hiệu.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Kiêm M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0045132 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M đã nộp đủ.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương